

Số: 43/2019/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, về việc: Ly hôn, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N sinh năm 1983

HKTT: Số 112 phố K, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Nơi ở: Thôn V, xã H, huyện Mỹ Đức, Hà Nội

*** Bị đơn:** Anh Trương T sinh năm 1952

HKTT và nơi ở: Số 112 phố K, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/9/2019, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 90/2019/HNGĐST ngày 06/9/2019 về việc “Ly hôn”,

XÉT THẤY

Chị Nguyễn Thị N và anh Trương T tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Mỹ Đức, Hà Nội năm 2009 (Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01). Đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12/9/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Trương T.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về con chung: Anh chị có một con chung là Trương Đắc L; sinh ngày 07/7/2010. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị, sau ly hôn chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2. Tài sản chung, nhà ở: Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Công nợ: Anh chị khai không nợ ai, không ai nợ anh chị. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị N tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003237 ngày 05/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, chị N tự nguyện sung quỹ nhà nước 150.000đ.

III. Hiệu lực của quyết định: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS ND quận Hoàn Kiếm;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nguyên

